

SỰ KẾT HỢP VÀ TẦM TÁC ĐỘNG CỦA TRỢ TỪ TÌNH THÁI (Một phân tích qua ngôn ngữ tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh)

NGUYỄN VĂN THUẬN*

Trợ từ tình thái (TrTTT) trong tiếng Việt có khả năng kết hợp với nhau để tạo nên những tổ hợp tình thái đa dạng. Các tổ hợp này không phải là sự lắp ghép ngẫu nhiên hay cơ giới giữa các yếu tố cấu thành, mà giữa các yếu tố này phải có mối quan hệ ngữ nghĩa, nghĩa là giữa chúng phải có nguyên do ngữ nghĩa. Theo đó, mỗi TrTTT trong cùng tổ hợp phải có cùng hướng nghĩa, cùng mức độ đánh giá, và giữa chúng có sự phân công chức năng bổ sung nghĩa tình thái cho nội dung mệnh đề. Ngoài ra, trong giao tiếp, người nói còn sử dụng đồng thời hai TrTTT trong cùng một câu nói. Khi đó, trong câu nói sẽ xuất hiện tầm tác động ngữ nghĩa giữa các TrTTT và sự tương tác chế định qua lại giữa chúng.

Từ khóa: trợ từ tình thái, tổ hợp tình thái, quan hệ ngữ nghĩa, tầm tác động, tương tác, tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh

Nhận bài ngày: 27/7/2017; đưa vào biên tập: 5/8/2017; phản biện: 10/8/2017; duyệt đăng: 15/11/2017

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tác phẩm văn học, lớp từ mang đặc trưng khẩu ngữ địa phương thường được các nhân vật sử dụng linh hoạt để thích ứng với từng hoàn cảnh giao tiếp. Khảo sát một số tác phẩm tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh (HBC), chúng tôi nhận thấy các nhân

vật thường sử dụng lớp từ mang đậm tính khẩu ngữ địa phương Nam Bộ. Trong lớp từ ấy, những từ biểu thị ý nghĩa tình thái có những đặc trưng riêng, khác với những từ toàn dân đồng nghĩa với chúng. Khi được dùng trong cùng một câu nói, giữa chúng xuất hiện sự tương tác và chế định qua lại. Lớp từ mà chúng tôi đề cập trong bài viết này là những từ thường đứng cuối câu, bổ sung cho câu ý

* Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng.

nghĩa tình thái, như: *a, à, á, chớ, há, hã, nha, nè,...*(1), và những từ chuyên dùng để nhấn mạnh vào ý nghĩa của một bộ phận nào đó của câu (rồi khái quát lên toàn câu) như: *chính, cả, ngay, tới, chỉ,...*(2).

Tìm hiểu trong văn liệu ngữ pháp tiếng Việt, chúng tôi thấy nhóm (1) được các nhà Việt ngữ học gọi tên và định nghĩa như sau:

Trương Văn Chình, Nguyễn Hiến Lê (1963: 180) gọi là những từ thuộc nhóm (1) là trợ từ và nói rõ “trợ từ là tiếng không có thực nghĩa, giúp cho lời nói ý nhị, mạnh mẽ, linh hoạt thêm, hoặc cho lời nói khỏi cụt cằn cộc lốc”. Còn các tác giả Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1983: 72) cũng gọi là trợ từ, nhưng cho rằng “chúng là từ biểu thị thái độ... là yếu tố gia thêm vào cho câu để biểu thị sự ngạc nhiên, nghi ngờ, mỉa mai, vui mừng, lễ phép hay sự khẳng định đặc biệt”. Nguyễn Tài Cẩn (1999: 333) cũng gọi những từ này là trợ từ và cho rằng các trợ từ này có thể “đưa tình thái lại cho đoạn ngữ, biến đoạn ngữ thành câu”. Riêng Phạm Hùng Việt (2003) đã có một chuyên luận nghiên cứu chi tiết về nhóm (1), trong đó tác giả có những ý kiến xác đáng và phân tích cụ thể về chức năng bổ sung ý nghĩa biểu cảm cho câu. Theo đó, tác giả gọi nhóm (1) là trợ từ câu. Nhìn chung, mỗi tác giả có cách kiến giải khác nhau, nghiêng về mặt này hay mặt khác, nhưng ở các tác giả có điểm giống nhau là đều gọi nhóm này là trợ từ.

Tuy nhiên, Lê Cận, Phan Thiều gọi nhóm (1) là tình thái từ cuối câu “dùng để biểu thị thái độ của người nói” (1983: 169). Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (1997: 273-274) cũng gọi là tình thái từ dùng để “đánh dấu câu theo mục đích nói (câu nghi vấn, câu mệnh lệnh, câu cảm thán, câu tường thuật)”. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (1998: 69) gọi là “tình thái từ nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, biểu thị sắc thái tình cảm”.

Tương tự như trên, tìm hiểu trong văn liệu ngữ pháp tiếng Việt, chúng tôi thấy nhóm (2) được các nhà Việt ngữ học gọi tên và định nghĩa như sau:

Đình Văn Đức (1986: 187-189) gọi nhóm (2) là trợ từ, là phương tiện “biểu đạt ý nghĩa tình thái với mục đích nhấn mạnh tăng cường”. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (1998: 144) cũng gọi nhóm (2) là trợ từ, là từ “dùng trong câu biểu thị ý nghĩa tình thái, bằng cách nhấn mạnh vào từ, kết hợp từ... có nội dung phản ánh liên quan với thực tại mà người nói muốn lưu ý người tiếp nhận”. Phạm Hùng Việt (2003) cho rằng các từ thuộc nhóm này có chức năng bổ sung ý nghĩa, nhấn mạnh cho bộ phận câu và tác giả gọi tên là trợ từ bộ phận câu.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi gộp chung những phương tiện (1) và (2) vào cùng một loại và gọi là trợ từ tình thái (TrTTT). Bởi vì, tình thái là một phạm trù có nội hàm rất rộng. Trong đó, tình thái chủ quan là thái độ

của người nói với điều được thông báo. Nhấn mạnh là một dạng thái độ của người nói với nội dung của thông báo. Do vậy, nhấn mạnh cũng phải được xem là một dạng cụ thể của tình thái. Cho nên, lớp những phương tiện mà các tác giả đi trước gọi là trợ từ nhấn mạnh (*chính, đích, cả,...*) là một tiểu loại của trợ từ tình thái. Theo đó, tất cả trợ từ đều có tính tình thái, và chúng tôi gọi lớp phương tiện này là trợ từ tình thái.

Viết về đề tài này, chúng tôi nhận thức rằng, nếu sa vào những vấn đề mà những tác giả đi trước đã bàn kỹ thì chắc chắn khó mà tìm ra cái mới, chi bằng cố gắng khảo cứu trên ngữ liệu cụ thể, dù phạm vi hẹp, nhưng có thể góp thêm vào việc xác định rõ hơn chức năng ngữ nghĩa - ngữ dụng của lớp trợ từ biểu thị ý nghĩa tình thái trong tiếng Việt, mà cụ thể là trong ngôn ngữ của một nhà tiểu thuyết lừng danh ở vùng đất cực Nam của tổ quốc - Hồ Biểu Chánh.

2. SỰ KẾT HỢP VÀ TẦM TÁC ĐỘNG CỦA TRỢ TỪ TÌNH THÁI

2. 1. Sự kết hợp của trợ từ tình thái

TrTTT trong tiếng Việt có khả năng kết hợp với nhau để tạo nên những tổ hợp tình thái đa dạng. Các tổ hợp này không phải là sự lắp ghép ngẫu nhiên hay cơ giới giữa các yếu tố cấu thành, mà giữa các yếu tố này phải có mối quan hệ ngữ nghĩa, nghĩa là giữa chúng phải có nguyên do ngữ nghĩa. Theo đó, mỗi TrTTT trong cùng tổ hợp phải có cùng hướng nghĩa, cùng mức độ đánh giá, và giữa chúng có sự

phân công chức năng bổ sung nghĩa tình thái cho nội dung mệnh đề.

Xét ví dụ sau:

(1) *Rủi thiệt, nhưng mà quan huyện đi khỏi, song có bà ở nhà, thì sự rủi của tôi chỉ mới nửa phần mà thôi, chớ chưa đến nỗi rủi hoàn toàn* (HBC 1986c: 68).

Trong (1), hai TrTTT *chỉ* và *mới* có cùng hướng nghĩa chỉ lượng - mức độ, cùng mức độ đánh giá "ít - thấp" nên TrTTT *chỉ* và *mới* có thể kết hợp với nhau để biểu thị ý nghĩa đánh giá. Nhưng nếu chúng ta thay TrTTT *mới* bằng TrTTT *tới* thì khả năng kết hợp có sự thay đổi.

* (1') *Rủi thiệt, nhưng mà quan huyện đi khỏi, song có bà ở nhà, thì sự rủi của tôi chỉ tới nửa phần mà thôi, chớ chưa đến nỗi rủi hoàn toàn*.

Trong (1') hai TrTTT *chỉ* và *tới* tuy cùng hướng nghĩa nhưng không cùng mức độ đánh giá, mức độ đánh giá đối lập nhau (TrTTT *chỉ* đánh giá "ít", TrTTT *tới* đánh giá "nhiều"), nên TrTTT *chỉ* và *tới* không thể kết hợp với nhau.

Dựa theo hướng nghĩa, mức độ đánh giá, biểu thị thái độ..., chúng tôi khảo sát 13 tác phẩm⁽¹⁾ tiểu thuyết của HBC. Kết quả nhận diện và thống kê được 32 tổ hợp TrTTT được các nhân vật giao tiếp sử dụng, bao gồm các tổ hợp sau: *coi đã, đã chớ, đã há, đã mà, đâu mà, đây mà, đi chớ, đi mà, đi nghe, đó a, đó à, đó chắc, đó chẳng, đó chớ, đó đã, đó mà, đó thôi, đó vậy, lặn a, lặn ạ, lặn chớ, lặn mà, nè hử, nửa à, nửa chớ, nửa đã, nửa đó, rồi*

mà, thiệt mà, thôi chớ, thôi mà, vậy thôi. Trong số này, chúng tôi nhận diện được 23 tổ hợp TrTTT Nam Bộ (chiếm 71,87%), như: *coi đã, đã chớ, đã há, đi chớ, đó a, đó à, đó chắc, đó chẳng, đó chớ, đó đã, đó mà, đó thôi, đó vậy, lặn a, lặn ạ, lặn chớ, lặn mà, nè hử, nửa chớ, nửa đã, nửa đó, thiệt mà, thôi chớ.*

Các tổ hợp TrTTT này được các nhân vật giao tiếp dùng để biểu thị những mức độ tình thái mang tính chuyên biệt trong khẩu ngữ Nam Bộ, hoặc để dùng thay cho các tổ hợp TrTTT toàn dân có nghĩa tương đương khi muốn biểu thị một giá trị tình thái.

Ví dụ:

(2) *Người khách ngồi ngó ra vườn mà nói:*

- Ông ở đây lâu rồi ông lập ra cuộc vườn có cây trái đủ thứ, dưa với xoài đã cao nghệu, vậy mà tôi không hay chớ.

- Tôi ở đây được 16 năm rồi lặn mà.

- Ở trong này tréo quá, không nhằm đường đi nên không ai biết. (HBC 2001a: 134).

(3) - *Chỉ nói dóc chớ làm mai sao được.*

- *Thế khi chỉ liệu làm mai được, nên chỉ mới nói đó chớ.* (HBC 2003d: 134).

(4) *Hai Tiên nói rằng: “Con nhỏ tôi đó đã. Con Lê đó anh Ba quên nó hay sao?”* (HBC 2003c: 68).

Ở (2), trong tổ hợp TrTTT *lặn mà*, mỗi thành tố đều được phân công giữ một nhiệm vụ bổ sung ý nghĩa cho câu nói. Chúng ta có thể dễ dàng lý giải về lý

do ngữ nghĩa của chúng. Theo đó, TrTTT *lặn* biểu thị ý nhấn mạnh số lượng vừa nói đến là “nhiều”, còn TrTTT *mà* bổ sung thêm cho câu nói nét nghĩa nhấn mạnh thái độ khẳng định với hàm ý cho rằng điều vừa nói là đúng (“nhiều”), đồng thời phản bác lại ý kiến trái ngược (“ít”), mang sắc thái thân mật. Câu “*Tôi ở đây được 16 năm rồi lặn mà.*” được hiểu là: *tôi khẳng định rằng tôi ở đây đã lâu, lâu lắm chứ không phải mới đây như anh nghĩ.*

Ở (3), trong tổ hợp TrTTT *đó chớ*, mỗi thành tố đều được phân công giữ một nhiệm vụ bổ sung ý nghĩa cho câu nói. Theo đó, TrTTT *đó* biểu thị ý nhấn mạnh về tính chất xác định của sự việc được nói đến, mang sắc thái thân mật, còn TrTTT *chớ* bổ sung thêm cho câu nói nét nghĩa phản bác lại ý kiến trước đó. Trường hợp (3) được hiểu là: *tôi khẳng định rằng việc chỉ (chị ấy) nói (nhận lời) là có thật và tôi tin vào khả năng của chỉ (chị ấy), tôi bác bỏ những nghi ngờ về khả năng của chỉ (chị ấy).* Như vậy, trong (3), người nói vừa khẳng định tính chính xác của sự tình, lại vừa bác bỏ những hoài nghi về sự tình đó.

Ở (4), trong tổ hợp TrTTT *đó đã*, TrTTT *đó* biểu thị ý nhấn mạnh về tính chất xác định của sự việc được nói đến, còn TrTTT *đã* biểu thị ý nhấn mạnh về điều vừa được nói đến như muốn thuyết phục người đối thoại tin. Nếu ngay sau tổ hợp TrTTT *đó đã* có thêm đại từ chỉ đối tượng giao tiếp (người nghe) thì sắc thái thân mật càng tăng thêm. Ví dụ:

(5) *Có hai ba nhà báo cậ tao chấp bút về mục “Bàn ngựa”, mà tao còn dục dặc tao chưa chịu đố đả mậy.* (HBC 2003c: 97).

Ngoài ra, các nhân vật giao tiếp còn dùng tổ hợp TrTTT là một kết hợp bao gồm một TrTTT Nam Bộ và một TrTTT toàn dân. Ví dụ:

(6) *Cháu uống đi chớ.* (HBC 1988c: 214)

Trong (6), TrTTT *đi* biểu thị ý nghĩa cầu khiến, còn TrTTT *chớ* có ý hối thúc và phản bác. Người nói cho rằng hành động “uống” cần được ưu tiên thực hiện trước, phản bác những hành động khác mà người đối thoại đang hoặc có thể sẽ thực hiện.

Nhìn chung, các nhân vật giao tiếp trong tiểu thuyết của HBC chủ yếu sử dụng tổ hợp đôi (hai yếu tố kết hợp). Những tổ hợp TrTTT được dùng phần lớn là những tổ hợp mang đặc trưng khẩu ngữ Nam Bộ.

2.2. Tầm tác động và sự tương tác lẫn nhau giữa các trợ từ tình thái

Trong giao tiếp, ngoài việc dùng những TrTTT riêng lẻ, người nói còn sử dụng đồng thời hai hoặc hơn hai TrTTT trong cùng một câu nói. Chẳng hạn như:

(7) *An nặng đến 20kg cơ.*

(8) *An nặng tới 20kg lận.*

(9) *An mua có 20kg gạo thôi.*

(10) *An ngã chỉ trầy đầu gối thôi.*

Những trường hợp này cần phải lưu ý đến tầm tác động của mỗi TrTTT và sự tương tác chế định qua lại giữa

chúng. Ở đây, chúng tôi cũng cần nói thêm rằng, thực tế một câu nói có thể sử dụng nhiều TrTTT để biểu thị ý nghĩa tình thái ở những mức độ khác nhau nhưng các TrTTT này phải cùng một hướng nghĩa. Nghĩa là trong cùng một câu nói không thể đồng thời có hai hoặc hơn hai TrTTT có nghĩa tình thái trái ngược nhau ở cùng một góc độ đánh giá. Để cụ thể hơn, chúng tôi tiến hành khảo cứu tầm tác động và quan hệ tương tác lẫn nhau giữa nhóm TrTTT bổ nghĩa tình thái cho cả câu (à, áy, chắc, cho, chớ, đi, đố, hả, hết, mà, nào, thôi, vậy, với,...) và nhóm TrTTT bổ nghĩa tình thái trực tiếp cho một bộ phận câu (có, chỉ, chính, mới, ngay, tới, thôi,...); và giữa các TrTTT bổ nghĩa tình thái cho cả câu với nhau có trong tiểu thuyết của HBC.

2.2.1. Tầm tác động và sự tương tác lẫn nhau giữa TrTTT câu và TrTTT bộ phận câu

Trong giao tiếp hàng ngày, để tăng cường mức độ đánh giá lượng - mức độ “nhiều” hay “ít”, người nói thường dùng hai hoặc hơn hai TrTTT trong cùng một câu nói. Trong tiểu thuyết của HBC, các nhân vật giao tiếp cũng sử dụng cách thức này.

Xét các ví dụ sau:

(11) *Hường ngạc nhiên hỏi:*

- *Về bằng thứ gì! Xe Sài Gòn chưa về mà.*

- *Về xe nhà. Ảnh mua tới hai chiếc lận.* (HBC 1986d: 215).

(12) - *Tôi sợ nợ lắm. Về bên đây Chà Và nó bán tới quần áo của tôi nữa đả!*

- Có đâu mà tới vậy lận.
 - Sao lại không có. (HBC 1986c: 148).
- (13) Nó kéo níu và có đánh em có một bốp tai thôi. (HBC 1988a: 68).
- (14) Mà còn một điều này thêm kỳ dị hơn nữa, là quan Phủ cưới vợ chưa đầy một năm, mà hai đứa con trai của ngài chết hết, chỉ còn có ba đứa con gái nhỏ thôi. (HBC 2003a: 182).

Ở (11), chúng ta thấy tầm tác động của các TrTTT trong câu “Ảnh mua tới hai chiếc lận.” được phân bố, bổ sung nghĩa tình thái cho câu nói theo các bước sau:

Bước 1: TrTTT *tới* bổ sung cho P (cụm từ ngôn ngữ) nghĩa tình thái đánh giá lượng (số lượng) “nhiều”. Theo đó, ở bước này câu “Ảnh mua tới hai chiếc lận.” được hiểu là: *ảnh mua hai chiếc (xe), đối với tôi số lượng (xe) như vậy là nhiều*. Có thể cấu trúc hóa tầm tác động của TrTTT ở bước này như sau: Ảnh mua tới [hai chiếc] lận.

Bước 2: TrTTT *lận* ở cuối câu nói, phủ cho toàn ngữ đoạn đứng trước thêm một lớp nghĩa đánh giá lượng “nhiều” và kèm theo sắc thái nhấn mạnh. Cuối cùng, câu “Ảnh mua tới hai chiếc lận.” được hiểu là: *ảnh mua hai chiếc (xe), tôi khẳng định rằng số lượng (xe) như vậy là nhiều*. Câu “Ảnh mua tới hai chiếc lận.” mang đặc trưng tình thái của TrTTT *lận* - vừa đánh giá lượng “nhiều” vừa khẳng định tính chắc chắn về điều vừa đánh giá. Có thể cấu trúc hóa tầm tác động của TrTTT ở bước này như sau: Ảnh mua [tới [hai chiếc]] lận.

Ở (12), các TrTTT trong câu “Có đâu mà tới vậy lận.” cũng bổ sung nghĩa tình thái tương tự như ở (11) nhưng trong câu này các TrTTT bổ sung nghĩa đánh giá về mức độ “ít”, bác bỏ ý đánh giá “nhiều” vì trước đó có yếu tố “có đâu mà” tác động vào. Có thể cấu trúc hóa tầm tác động của TrTTT và các phương tiện khác trong câu như sau: “[Có đâu mà [tới [vậy]] lận].

Trong cả (13) và (14), các TrTTT *có*, *chỉ*, *thôi* đều cùng hướng nghĩa - hàm ý đánh giá lượng, mức độ “ít” so với mức thông thường hoặc trong mối quan hệ so sánh. Chúng tương tác với nhau và hướng đến nghĩa đánh giá lượng - mức độ “ít”.

Trong (13), hai TrTTT *có* và *thôi* xuất hiện đồng thời nên tình thái chỉ lượng “ít” được tăng thêm, câu (13) được hiểu là: *việc bị đánh là có nhưng không nhiều, theo tôi là không đáng kể, “ít”*. Tầm tác động và sự tương tác lẫn nhau giữa các TrTTT trong câu (13) được phân bố theo hai bước sau:

Bước 1: TrTTT *có* bổ sung nghĩa tình thái đánh giá lượng (số lượng) “ít”. Lúc này, câu (13) được hiểu là: *Nó kéo níu và đánh em một bốp tai, theo tôi số lượng như vậy là “ít”*. Có thể cấu trúc hóa tầm tác động của TrTTT ở bước này như sau: *Nó kéo níu và có đánh em có [một bốp tai] thôi*.

Bước 2: Nội dung về lượng lại được đánh giá “ít” thêm một lần nữa bởi TrTTT *thôi*. Nét nghĩa đánh giá lượng “ít” của TrTTT *thôi* tác động lên toàn ngữ đoạn đứng trước, và câu (13)

mang đặc trưng nghĩa tình thái của TrTTT *thôi*, trong đó có cả ý đánh giá lượng “ít” lẫn ý “bác bỏ” mọi nhận định trái với điều nêu ra trong câu. Có thể cấu trúc hóa tầm tác động của TrTTT ở bước này như sau: *Nó kéo níu và có đánh em [có [một bóp tai]] thôi*.

Trong câu (14), có sự xuất hiện đồng thời nhiều TrTTT *chỉ, có, thôi* nên tình thái khẳng định nét nghĩa đánh giá “ít” tăng cao hơn câu (13). Xét câu (14), chúng tôi thấy cấu trúc tình thái đánh giá được phân bố theo các bước sau:

Bước 1: TrTTT *có* bổ sung cho câu nghĩa tình thái đánh giá lượng “ít”. Nội dung đánh giá lượng trong câu (14) được hiểu là: *quan Phủ còn ba đứa con gái nhỏ, và số lượng như vậy theo tôi là “ít”*. Có thể cấu trúc hóa tầm tác động của TrTTT ở bước này như sau: *... mà hai đứa con trai của ngài chết hết, chỉ còn có [ba đứa con gái nhỏ] thôi*.

Bước 2: TrTTT *chỉ* tác động bao trùm lên TrTTT *có* và cùng với TrTTT *có* bổ sung cho câu nói nghĩa tình thái đánh giá lượng “ít”. Có thể cấu trúc hóa tầm tác động của TrTTT ở bước này như sau: *... mà hai đứa con trai của ngài chết hết, chỉ [còn có [ba đứa con gái nhỏ]] thôi*.

Bước 3: Mặc dù, câu (14) đã được hai TrTTT bộ phận câu *có* và *chỉ* bổ nghĩa tình thái đánh giá lượng “ít” rồi nhưng đến lượt TrTTT câu *thôi* đứng cuối lại phủ cho toàn ngữ đoạn đứng trước một lớp

nghĩa đánh giá lượng “ít” nữa và câu (14) mang đặc trưng nghĩa tình thái của TrTTT *thôi*. Trong đó có cả ý đánh giá lượng “ít” lẫn ý “bác bỏ” mọi nhận định trái với điều nêu ra trong câu. Có thể cấu trúc hóa tầm tác động của TrTTT ở bước này như sau: *... mà hai đứa con trai của ngài chết hết, [chỉ [còn có [ba đứa con gái nhỏ]]] thôi*.

Từ những phân tích trên, chúng tôi cấu trúc hóa các câu nói sử dụng hai TrTTT để biểu thị nghĩa tình thái đánh giá về lượng - mức độ “ít” hay “nhiều” như sau:

$$C + [V + x[P]]y \rightarrow z$$

Trong đó, C là chủ ngữ, V + xPy là vị ngữ (V là vị từ - lõi của vị ngữ, x là TrTTT bộ phận câu, P là cụm từ ngôn liệu, y là TrTTT câu), z là nghĩa tình thái được tạo ra từ quan hệ tương tác giữa các TrTTT với cụm từ ngôn liệu P trong câu nói.

Trong quá trình khảo sát ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy khi trong cùng một câu nói xuất hiện đồng thời nhiều TrTTT thì nghĩa tình thái của chúng bao giờ cũng cùng hướng (*ít* hoặc *nhiều*; *sớm* hoặc *muộn*; *lâu* hoặc *mau*,...), và TrTTT đứng sau cùng bao giờ cũng quyết định nghĩa tình thái

Bảng 1. Tổng hợp từ 13 tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh

TT	Nghĩa tình thái	Cấu trúc C + [V + x[P]]y	Tần số
1	Đánh giá lượng mức độ “nhiều”	C + V + <i>tới P lặn</i>	15
2	Đánh giá lượng mức độ “ít”	C + V + <i>có/chỉ P thôi</i>	215
		C + V + <i>chỉ... có P thôi</i>	16
		C + V + <i>chỉ mới P thôi</i>	76

Nguồn: Nguyễn Văn Thuận 2017.

cho cả câu nói.

Khảo sát 13 tác phẩm tiểu thuyết của HBC, chúng tôi thấy các nhân vật giao tiếp sử dụng cấu “C + V + *tới P lặn*” trong 15 câu, cấu trúc “C + V + *có/chỉ P thôi*” trong 215 câu, cấu trúc “C + V + *chỉ...có P thôi*” trong 16 câu, cấu trúc “C + V + *chỉ mới P thôi*” trong 76 câu, như Bảng 1.

Ngoài chức năng tăng cường mức độ đánh giá lượng - mức độ “*nhiều hay ít*”, việc sử dụng TrTTT bộ phận câu và TrTTT câu trong cùng một câu nói còn có chức năng biểu thị những nghĩa tình thái khác.

Ví dụ:

(15) [*Cô đó coi còn mắng quá, mà có tới [hai đứa con rồi] hả?*] (HBC 1986a: 195).

Trong trường hợp này TrTTT bộ phận câu có ý đánh giá lượng còn TrTTT câu biểu thị thái độ ngạc nhiên, nghi ngờ. Mặc dù, hai TrTTT này không cùng một phạm trù tình thái nhưng giữa chúng không có sự đối lập tình thái, nên xuất hiện trong cùng một câu nói là bình thường. Vấn đề ở đây là chúng ta xem xét tâm tác động và sự tương tác qua lại giữa chúng như thế nào. Thực tế cho thấy, trong ví dụ trên tình thái đánh giá lượng “*nhiều*” của TrTTT *tới* là cơ sở cho tình thái ngạc nhiên, hoài nghi của TrTTT *hả* được xác lập. Ngược lại, tình thái đánh giá lượng “*nhiều*” của TrTTT *tới* nằm trong tâm tác động của tình thái ngạc nhiên, hoài nghi của TrTTT *hả*. Kiểu cấu trúc thuộc loại này được các nhân

vật giao tiếp trong tiểu thuyết của HBC sử dụng tương đối nhiều.

2.2.2. Tâm tác động và sự tương tác lẫn nhau giữa các TrTTT câu

Như đã nói ở mục 2.2.1., khả năng kết hợp của TrTTT câu tạo nên những tổ hợp tình thái, và giữa những TrTTT tạo nên những tổ hợp này có sự phân công bổ sung nghĩa tình thái cho mệnh đề. Khi đó, giữa các TrTTT này xảy ra sự tương tác lẫn nhau. Khảo sát ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy, trong cùng tổ hợp TrTTT, TrTTT nào đứng cuối bao giờ cũng có tâm tác động bao trùm lên TrTTT đứng trước và cả mệnh đề của câu nói.

Phân tích các bậc tâm tác động tình thái trong các ví dụ sau:

(16) *Này, mà bây giờ mẹ gặp được cháu rồi, [[mẹ phải đãi tiệc] đi] chứ.* (HBC 2003b: 153).

(17) *[[Nó có chồng rồi dọn nhà đi đã bảy tám tháng nay] lặn] mà.* (HBC 1988b: 195).

Trong câu (16), ý nghĩa cầu khiến đã được TrTTT *đi* biểu thị, còn TrTTT *chứ* góp thêm sắc thái phản bác. Người nói muốn người đối thoại thực hiện hành động (đãi tiệc), phản bác lại hành động trái ngược mà người nói nghĩ rằng người đối thoại có thể thực hiện (không đãi tiệc). Sắc thái phản bác của TrTTT *chứ* tác động bao trùm lên ý nghĩa cầu khiến của TrTTT *đi* và ý nghĩa của toàn mệnh đề.

Trong câu (17), TrTTT *lặn* biểu thị thời lượng “*nhiều, lâu*”, còn TrTTT *mà* góp thêm sắc thái nhấn mạnh sự khẳng

định về nội dung trong mệnh đề vừa nêu. Sắc thái nhấn mạnh sự khẳng định của TrTTT mà tác động bao trùm lên ý nghĩa đánh giá lượng “nhiều” của TrTTT *lặn* và ý nghĩa của toàn mệnh đề.

Từ những phân tích trên, chúng tôi cấu trúc hóa các câu nói sử dụng hai TrTTT câu như sau:

[[[C + V + P]x]y]... → z

Trong đó, C là chủ ngữ, V + Pxy là vị ngữ (V là vị từ - lõi của vị ngữ, P là cụm từ ngôn liệu, x, y là TrTTT câu), z là nghĩa tình thái được tạo ra từ quan hệ tương tác giữa các TrTTT với mệnh đề ngôn liệu.

3. KẾT LUẬN

Trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, ngoài việc dùng những TrTTT riêng lẻ, các nhân vật giao tiếp còn sử dụng

đồng thời hai hoặc hơn hai TrTTT trong cùng một câu nói để biểu thị những mức độ tình thái. Khi đó, giữa các TrTTT xuất hiện sự tác động và tương tác chế định qua lại. Quá trình khảo sát cho thấy nghĩa tình thái của các TrTTT luôn cùng hướng, không có sự trái ngược nhau ở cùng một góc độ đánh giá, TrTTT đứng sau bao giờ cũng có tầm tác động bao trùm lên TrTTT đứng trước và cả mệnh đề của câu nói, TrTTT đứng sau cùng quyết định nghĩa tình thái cho cả câu nói.

Với những đặc điểm về ngữ nghĩa khó nắm bắt, khó phân tích, TrTTT thuộc vào những đối tượng nghiên cứu phức tạp. Do đó, bài viết này chỉ là bước khởi đầu, hiện tại vẫn còn nhiều phương diện đang bỏ ngỏ, rất cần được tiếp tục khảo cứu. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ *Nhơn tình ấm lạnh* (1925), *Tiền bạc bạc tiền* (1925), *Chút phận linh đình* (1928), *Vì nghĩa vì tình* (1929), *Ông Cử* (1935), *Nợ đời* (1936), *Lạc đường* (1937), *Bỏ vợ* (1938), *Cư Kính* (1941), *Mẹ ghê con ghê* (1943), *Thầy Chung trúng số* (1944), *Sống thác vì tình* (1957), *Vợ già chồng trẻ* (1957).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung. 1998. *Ngữ pháp tiếng Việt* (tập 1). Hà Nội: Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Tài Cẩn. 1999. *Ngữ pháp tiếng Việt – tiếng, từ ghép, đoản ngữ*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Lê Cận, Phan Thiều. 1983. *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt* (tập 1). TPHCM: Nxb. Giáo dục.
4. Trương Văn Chình, Nguyễn Hiến Lê. 1963. *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*. Huế: Nxb. Đại học Huế.
5. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến. 1997. *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

6. Đinh Văn Đức. 1986. *Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại)*. Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp.
7. Hồ Biểu Chánh. 1986a. *Bỏ vợ*. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
8. Hồ Biểu Chánh. 1986b. *Chút phận linh đình*. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
9. Hồ Biểu Chánh. 1986c. *Cư Kinh*. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
10. Hồ Biểu Chánh. 1986d. *Mẹ ghê con ghê*. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
11. Hồ Biểu Chánh. 1988a. *Nhơn tình ấm lạnh*. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
12. Hồ Biểu Chánh. 1988b. *Nợ đời*. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
13. Hồ Biểu Chánh. 1988c. *Ông Cử*. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
14. Hồ Biểu Chánh. 2001a. *Sống thác vì tình*. TPHCM: Nxb. Văn hóa văn nghệ.
15. Hồ Biểu Chánh. 2001b. *Thầy Chung trúng số*. TPHCM: Nxb. Văn hóa văn nghệ.
16. Hồ Biểu Chánh. 2003a. *Tiền bạc bạc tiền*. TPHCM: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
17. Hồ Biểu Chánh. 2003b. *Vì nghĩa vì tình*. TPHCM: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
18. Hồ Biểu Chánh. 2003c. *Lạc đường*. TPHCM: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
19. Hồ Biểu Chánh. 2003d. *Vợ già chồng trẻ*. TPHCM: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
20. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. 1983. *Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
21. Phạm Hùng Việt. 2003. *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.